**Trường: THCS Dĩnh Trì.**

**I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
|  |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | Số tự nhiên | - Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên | 3(0,75 đ) |  |  |  |  |  |  |  | 7,5 |
| - Các phép tính về số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên. |  |  | 1 (0,25 đ) |  | 1(0,25đ) | 1(1,0 đ) |  |  | 20 |
| Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung | 3(0,75 đ) |  |  |  |  | 1 (1,0 đ) |  | 10,5 đ | 17,5 |
| **2** | Số nguyên  | Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên | 10,25đ |  | 20,5đ |  |  |  |  |  | 7,5 |
| Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên | 10,25đ |  |  | 1(1,0 đ) | 20,5đ |  |  |  | 17,5 |
| **3** | Các hình phẳng trong thực tiễn  | - Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.  | 1(0,25 đ) |  |  |  |  |  |  |  | 2,5 |
| - Hình chữ nhật, hinh thoi, hình bình hành, hình thang. |  | 2(1 đ) | 2(0,5đ) | 10,5đ | 1(0,25 đ) |  |  |  | 22,5  |
| - Hình có trục đối xứng. | 1(0,25đ) |  | *1* (0,25 đ) |  |  |  |  |  | 5 |
| **Tổng: Số câu** **Điểm** | 102,5 | 21,0  | 61,5 | 21,5 | 41,0 | 22,0 |  | 1,00,5 | 100% |
| **Tỉ lệ %** | 35% | 30% | 30% | 5% | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | 65% | 35% | 100% |

**II. BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I. MÔN TOÁN -LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Số tự nhiên** | ***Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên.*** | ***Nhận biết:***– Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.– Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên.– Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. | 3TN |  |  |  |
| ***Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên*** | ***Thông hiểu:***– Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân.– Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. |  | 1TN |  |  |
| ***Vận dụng:***– Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp.- So sánh được hai số tự nhiên cho trước. – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.– Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.– Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...). |  |  | 1TN1TL |  |
| ***Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung*** | ***Nhận biết :***– Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.– Nhận biết được phân số tối giản. | 3TN |  |  |  |
| ***Vận dụng:***– Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.– Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.– Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.– Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...). |  |  | 1TL |  |
| ***Vận dụng cao:***– Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***. |  |  |  | 1TL |
| 2 | **Số nguyên** | ***Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên*** | ***Nhận biết:***– Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.– Nhận biết được số đối của một số nguyên.– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên.– Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn. | 1TN |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Biểu diễn được số nguyên trên trục số.– So sánh được hai số nguyên cho trước. |  | 2TN |  |  |
| ***Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên*** | ***Nhận biết :***– Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. | 1TN |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. |  | 1TL |  |  |
| ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...). |  |  | 2TN |  |
| 3 | **Các hình phẳng trong thực tiễn** | ***Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều,***  | ***Nhận biết:***– Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. | 2TN |  |  |  |
| ***Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.*** | ***Nhận biết***– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thangcân. | 2TL |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau). |  | 2TN1TL |  |  |
| ***Vận dụng***– Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.– Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều. |  |  | 1TL |  |
| ***Hình có trục đối xứng*** | ***Nhận biết:***- Nhận biết được hình phẳng có trục đối xứng. | 1TN |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***- Tìm được hình ảnh có trục đối xứng trong thực tế. |  | 1TN |  |  |
| **Tổng** |  | 12 | 8 | 6 | 1 |
| **Tỉ lệ %** |  | 35 | 30 | 30 | 10 |
| **Tỉ lệ chung** |  | 65 | 40 |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I, MÔN TOÁN 6**

**Thời gian: 90 phút.**

#### Câu 1: (NB) Cho tập hợp . Khẳng định nào sau đây là đúng?

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 2**: ( NB) Cho tập hợp . Trong các khẳng định sau khẳng định nào **sai** ?

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 3**: (NB) Tập hợp B gồm các số tự nhiên lớn hơn 3 và nhỏ hơn 6 được viết là

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 4**: (TH) Kết quả của phép tính là

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 5: (VD)** Bạn Lan mua 5 quyển vở và 2 chiếc bút. Biết một chiếc bút giá 3500 đồng, một quyển vở giá  đồng. Hỏi bạn Lan mua hết bao nhiêu tiền?

 **A.**  đồng. **B.**  đồng. **C.** đồng. **D.**  đồng.

#### Câu 6: (NB) Cho các số . Số chia hết cho là?

####  A. 536 . B. 125. C. 147. D. 149.

**Câu 7:** (NB) **:** Trong các số sau số nào chia hết cho cả 2; 5 và 9 ?

 **A.** . **B.** . **C. **. **D.** .

#### Câu 8: (NB)Ước chung lớn nhất của  và  kí hiệu là

 **A.** UC(20,35). **B.** UCLN(20,35). **C.** UCLN(a,b). **D**.ULN(20,35).

**Câu 9: (NB)** Số đối của số -5 là

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 10: (NB)** Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: .

 **A. **. **B.** . **C. **. **D. **.

**Câu 11: (TH)** Có bao nhiêu số nguyên  thỏa mãn  ?

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

#### Câu 12: (TH) Cho trục số. So sánh các số được biểu diễn bởi các điểm A và B.

1.  **B**. **C**.  **D**.

**Câu 13: (VD)** Nhiệt độ lúc 12 giờ ở đỉnh mẫu Sơn (thuộc tỉnh Lạng Sơn) vào một ngày mùa đông là  đến 17 giờ nhiệt độ giảm thêm  Nếu đến 23 giờ cùng ngày nhiệt độ giảm thêm  nữa thì nhiệt độ lúc 23 giờ là

 **A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 14: (VD)** Số nguyên  thỏa mãn là

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

#### Câu 15: (NB)Trong các hình sau, hình nào là tam giác đều?



**Câu 16**: **(TH)** Hình nào sau đây luôn có tất cả các cạnh bằng nhau?

 **A.** Hình thang. **B.** Hình bình hành **C.** Hình thoi. **D.** Hình chữ nhật.

#### Câu 17: (TH) Cho hình bình hành có  thì

 **A.** . **B.**  **C.** **D.**.

**Câu 18:** Một hình thoi có độ dài hai đường chéo là 6cm và 8cm. Diện tích của hình thoi đó là

 **A.** cm2. **B.**  cm2. **C. ** cm2. **D.**  cm2.

**Câu 19: (NB)** Trong các biển báo dưới đây, các biển báo có trục đối xứng là



**Câu 20: (TH)** Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

 **A.** Hình tam giác đều, hình vuông, hình bình hành là các hình có trục đối xứng.

 **B.** Hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi là các hình có trục đối xứng.

 **C.** Hình thang cân, hình chữ nhật, hình thoi là các hình có trục đối xứng.

 **D.** Hình bình hành, hình thoi, hình vuông là các hình có trục đối xứng.

**PHẦN II. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN (5,0 *điểm*).**

**Câu 1.** (2,0 *điểm*)

1) Thực hiện phép tính: 

2) Trong một ngày, nhiệt độ Mát-xcơ-va lúc 5 giờ là -6 oC, đến 10 giờ tăng thêm 7 oC, và lúc 12 giờ tăng thêm tiếp 3 oC. Nhiệt độ Mát-xcơ-va lúc 12 giờ là bao nhiêu?

**Câu 2.** (1,0 *điểm*)

Để khen thưởng học sinh của lớp có thành tích trong học kì I, giáo viên chủ nhiệm cùng phụ huynh học sinh đã chuẩn bị 120 quyển vở và 72 chiếc bút. Số vở và số bút được chia đều cho các phần thưởng. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng?

**Câu 3.** (1,5 *điểm*)

1. Vẽ hình vuông có cạnh bằng 4 cm.

2. Một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng 6m.

 a) Tính diện tích nền nhà đó.

 b) Nếu lát nền nhà bằng các viên gạch hình vuông cạnh 40 cm thì cần bao nhiêu viên gạch?

**Câu 4.** (0,5 *điểm*)

Cho  và . Chứng minh A và B là hai số tự nhiên liên tiếp.

-------------------------------Hết--------------------------------

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com